Tên: ……..

Lớp: S6…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Week: 39

Từ vựng HW: ……

Nghe HW: ……

SKILL BUILDER: LISTENING + SPEAKING

A. EXTRA VOCABULARY

Con bấm vào link/code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/for_w39_extra-vocabulary

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**tease** (v)	hé lộ thông tin	6	**on the set of** (phr.)	trên phim trường của
2	**be on point** (phr.)	rất chỉn chu, hoàn hảo, đúng chuẩn	7	**bonding with somebody** (phr.)	sự gắn kết với ai
3	**pre-performance ritual** (n)	thói quen trước khi biểu diễn	8	**underrated** (adj)	bị đánh giá thấp, chưa được chú ý đúng mức
4	**stretching** (n)	việc giãn cơ, kéo giãn cơ	9	**have something on repeat** (phr.)	nghe/xem thứ gì lặp đi lặp lại
5	**choreography** (n)	vũ đạo	10	**Thai-style omelette** (n)	trứng rán kiểu Thái

B. CLASSWORK

LISTENING

Con làm bài nghe theo link/code sau:
https://www.youtube.com/watch?v=UHXCSeoU-YM

Watch the video and complete the following exercises.

Exercise 1. Choose the correct answer A, B, or C.

1. What does Lisa like doing when she is off stage?
   A. Going to parties
   B. Staying home and watching Netflix
   C. Practising choreography all day
2. What does Lisa usually do before a performance?
   A. She stretches, prays, and takes a short nap.
   B. She eats Thai food and watches TV.
   C. She goes shopping with her friends.

LIVEWORKSHEETS

3. What was Lisa's most memorable experience with the BLACKPINK members?

   A. Their first music video

   B. Last year's tour

   C. A cooking show

4. Which music video had the hardest choreography for Lisa to learn?

   A. "Rockstar"

   B. "The Boy Is Mine"

   C. "House of the Dragon"

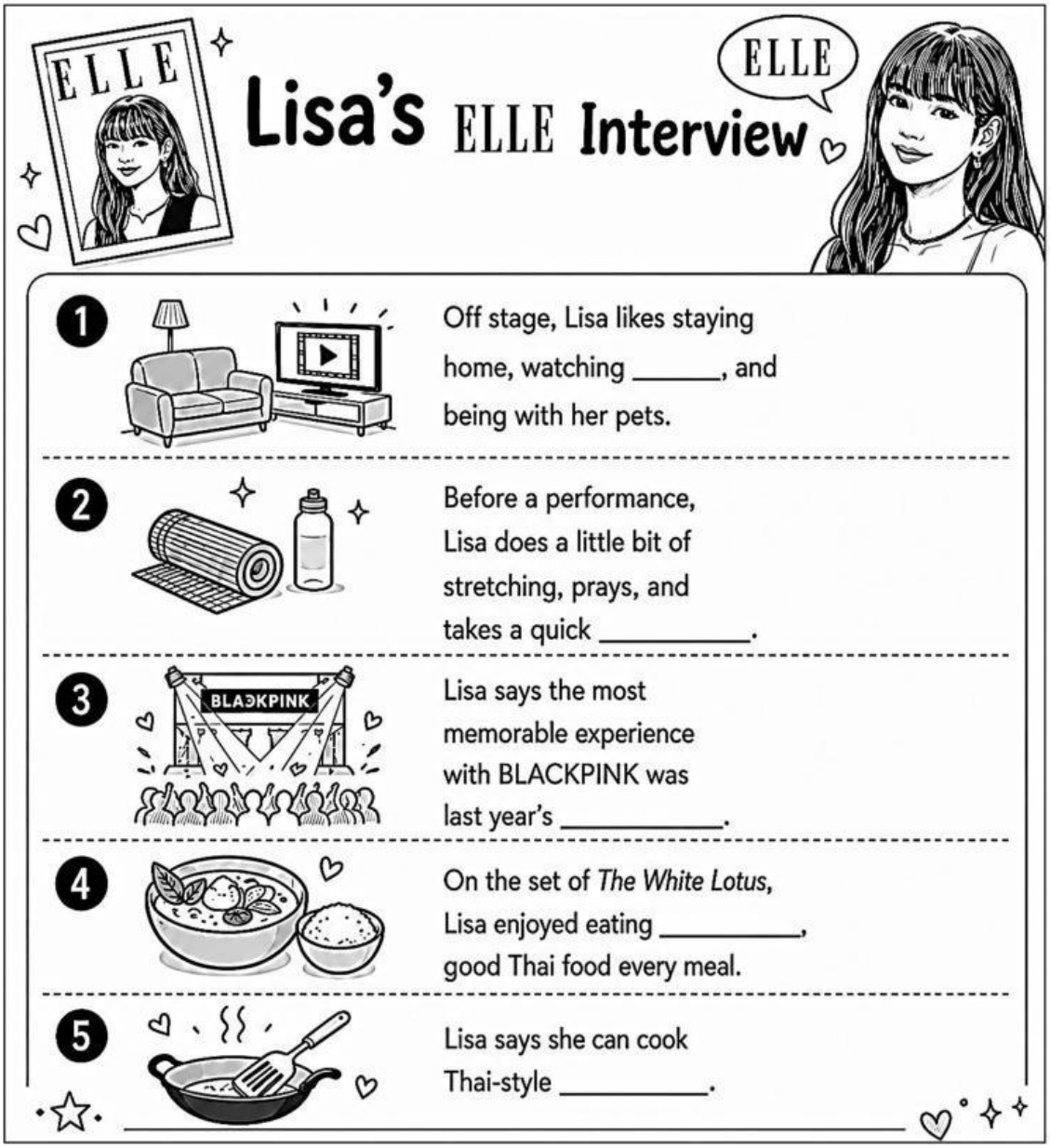
5. What beauty product can't Lisa live without?

   A. Mascara

   B. Perfume

   C. Lip balm

Exercise 2. Complete the form. Write ONE word only in each blank.



LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

VOCABULARY (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần A. Extra Vocabulary (trang 1) 1 dòng vào vở ghi.

II. Choose the correct answers.

1. If someone tries to **tease** a new project, they _____.
   A. hide it completely B. reveal a little bit of it
   C. forget it quickly D. explain all details clearly
2. Before the concert, the dancer did some **stretching** to _____.
   A. relax and prepare her body B. cook a Thai dish
   C. watch a show many times D. talk to the cast members
3. The **choreography** in the music video was difficult because it had many fast _____.
   A. conversations B. dance moves
   C. beauty products D. film scenes
4. If a dish is **underrated**, it means people _____.
   A. talk about it too much B. cook it every day
   C. do not give it enough attention D. cannot eat it
5. When Lisa says she has a song **on repeat**, she means she _____.
   A. listens to it again and again B. sings it on stage once
   C. writes the song herself D. forgets the name of the song

III. Fill in the blanks with the correct words/phrases in the box.

on point	set	Thai-style	bonding	pre-performance

1. Before going on stage, many singers have a(n) _____ ritual, such as drinking warm water or doing breathing exercises.
2. Her outfit and dancing were excellent, so everyone said her performance was _____.
3. The actor met many friendly people on the _____ of his new film.
4. Going on a short trip together is a good way of _____ with somebody in your team.
5. My mother taught me how to make a(n) _____ omelette with eggs, pork and special sauce.

IV. Rearrange the words/phrases to make complete sentences.

1. on point / Her / was / the dancing / performance / because / was excellent.
   → _____
2. does / before / stretching / every show. / The singer / a little bit of
   → _____
3. a / on the / met / his / He / famous actor / set of / new movie.
   → _____
4. on repeat / so catchy. / this song / have / because / I / it is
   → _____
5. really delicious. / is / Many people / but / this Thai dish / underrated, / it is / think
   → _____

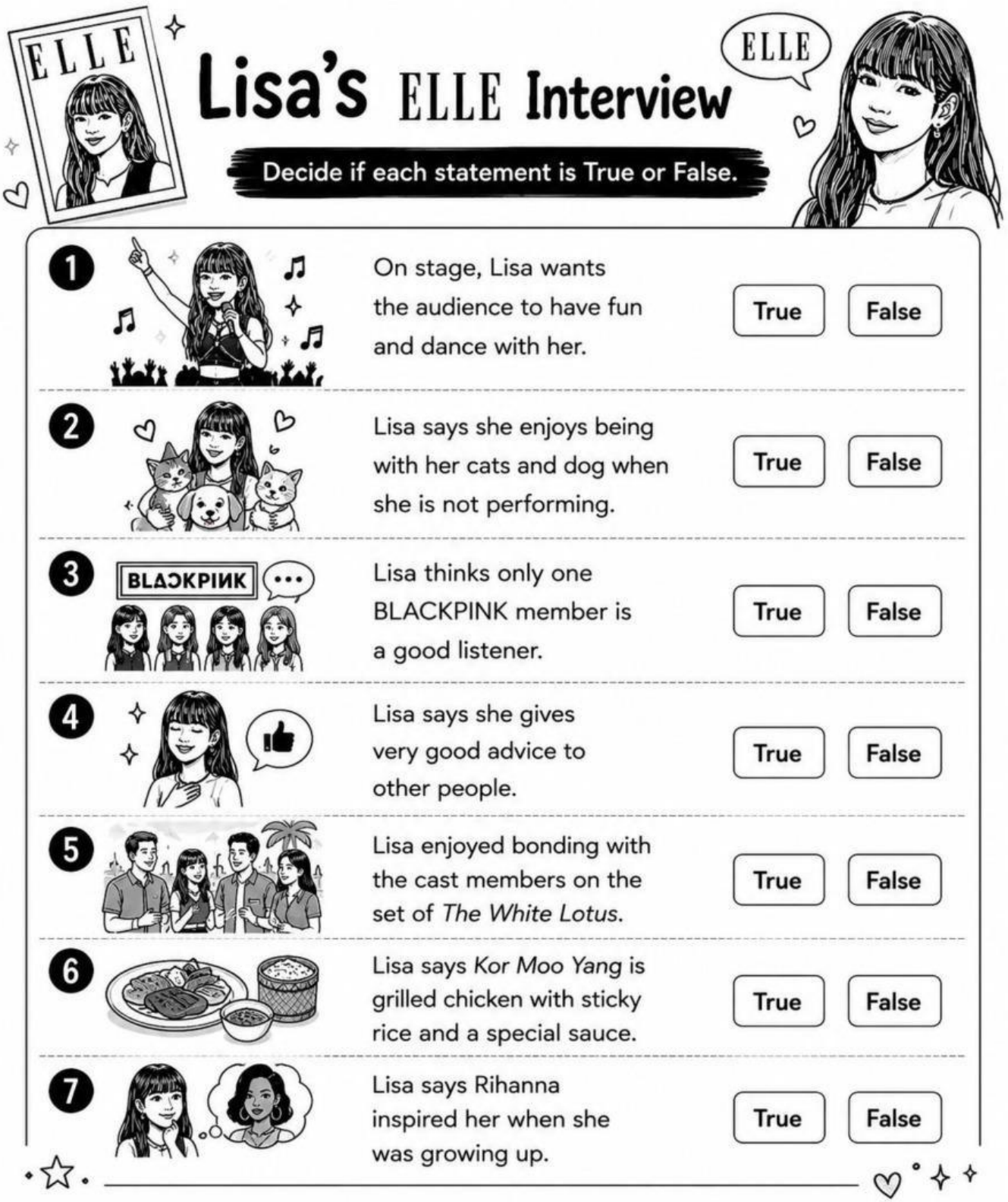
LIVEWORKSHEETS

LISTENING PRACTICE (7 questions)

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con làm bài nghe theo link/code sau:
https://www.youtube.com/watch?v=UHXCSeoU-YM



LIVEWORKSHEETS